

Số: **2673** /TM-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc mời báo giá thiết bị phục vụ lập Dự án đầu tư thay thế hệ bộ làm mát xỉ đáy lò hơi số 2, số 3 và số 4 NMNĐ Cẩm Phả

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Hiện nay Tổng công ty Điện lực -TKV đang tổ chức lập Dự án đầu tư thay thế hệ bộ làm mát xỉ đáy lò hơi số 2, số 3 và số 4 NMNĐ Cẩm Phả.

Tổng công ty Điện lực - TKV trân trọng kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan tham gia báo giá danh mục hàng hoá như Phụ lục kèm theo. Các đơn vị có thể báo giá các hàng hoá tương đương hoặc tốt hơn.

- Nhà cung cấp gửi báo giá kèm theo Giấy đăng ký kinh doanh của nhà cung cấp.

- Báo giá phải ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà cung cấp. Báo giá phải do đại diện hợp pháp hoặc nhân sự được uỷ quyền/ phụ trách bán hàng của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu.

- Đơn giá phải đầy đủ các yếu tố cấu thành (phạm vi công việc, các chi phí liên quan (bảo hành, vận chuyển, thuế, phí,...), tiến độ cung cấp, phương thức thanh toán,.. Đối với Bộ làm mát xỉ đáy khi chào cần nêu rõ công nghệ (ví dụ: loại tang quay hay chùm ống...) và cung cấp bản vẽ sơ bộ (nếu có).

- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày ký báo giá.

- Thời gian nộp báo giá: Chậm nhất ngày 25/9/2025.

Báo giá Quý công ty gửi về địa chỉ của chủ đầu tư như sau:

Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Phòng Đầu tư, Tổng công ty Điện lực - TKV, tầng 16 toà nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Hà Nội. Điện thoại: 0987.564.516, email: hanhvth@vinacominpower.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD (e-copy, b/c);
- Email: truyenthongTKV@vinacomin.vn (để đăng tải);
- Email: quyennb@vinacominpower.vn (để đăng tải);
- Lưu: VT, ĐT, TT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nghiêm Xuân Chiến

PHỤ LỤC

(Đính kèm Thư mời báo giá số **2673** /TM-ĐLTKV ngày **18** tháng 9 năm 2025)

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật/yêu cầu (tương đương hoặc cao hơn)	Nguồn gốc và Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước thuế (đ)	Thành tiền (đ)
I	Chi phí Thiết bị phần cơ nhiệt						
1	Bộ làm mát xỉ đáy	* Thông số kỹ thuật: - Chiều dài bộ làm mát: 9.000 mm. - Đường kính bộ làm mát: ≤ 1.500 mm - Năng suất thải xỉ định mức: ≥ 13 tấn/h - Nhiệt độ xỉ đầu vào thiết kế $\geq 950^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ xỉ đầu ra bộ làm mát $\leq 120^{\circ}\text{C}$ - Lưu lượng nước ngưng: ≤ 185 m³/h (cho 1 lò hơi) - Nhiệt độ nước làm mát vào (nước ngưng): $\leq 57^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ nước làm mát ra (nước ngưng): $\geq 88,4^{\circ}\text{C}$ - Công suất động cơ: 22 kW - Điều khiển: biến tần * Vật liệu: - Vật liệu cánh vít: + Cánh vít khoang xỉ nóng (đoạn xỉ vào): SUS 310S hoặc tương đương + Cánh vít bên trong: Vật liệu SUS 304 hoặc tương đương - Ống dẫn nước trong lòng thiết bị: + Ống: Vật liệu SA210C hoặc tương đương + Ốp phòng mòn: SUS 310S hoặc tương đương - Vỏ trong vít: + Vật liệu: A515 (tiêu chuẩn ASTM) hoặc tương đương - Vỏ ngoài vít: + Vật liệu: Q345B hoặc tương đương		Bộ	12		

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật/yêu cầu (tương đương hoặc cao hơn)	Nguồn gốc và Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước thuế (đ)	Thành tiền (đ)
		*Ghi chú: Đối với Bộ làm mát xỉ đáy khi chào giá cần nêu rõ công nghệ (ví dụ: loại tang quay hay chùm ống...) và cung cấp bản vẽ sơ bộ (nếu có).					
2	Bơm tăng áp nước ngưng	- Năng suất bơm: $\leq 185 \text{ m}^3/\text{h}$ - Cột áp đầu hút: chịu được trong khoảng 170 - 300 mH ₂ O - Cột áp đầy đẩy: cao hơn 40mH ₂ O so với cột áp đầu hút. - Công suất động cơ: 30 kW		Cái	06		
3	Đường ống dẫn nước ngưng	- Vật liệu: Thép SUS304 - Áp lực: 40 bar - Kích thước đường ống: DN180, độ dày $\geq 6\text{mm}$		m	781		
4	Van một chiều	- Áp lực: 40 bar - Kích thước ống: DN180		cái	09		
5	Van điện	- Áp lực: 40 bar - Kích thước ống: DN180		cái	12		
6	Van tay	- Áp lực: 40 bar - Kích thước ống: DN180		cái	15		
7	Cút	- Áp lực: 40 bar - Kích thước ống: DN180		cái	50		
8	Lưu lượng kế	- Áp lực: 40 bar - Kích thước ống: DN180		cái	03		
9	Vật tư khác	Bích, bulong, gioăng...		Gói	01		

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật/yêu cầu (tương đương hoặc cao hơn)	Nguồn gốc và Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước thuế (đ)	Thành tiền (đ)
II	Chi phí thiết bị phần điện và đo lường điều khiển						
1	MCCB 3P 400V - 60A			Bộ	12		
2	MCCB 3P 400V - 80A			Bộ	6		
3	Cáp điện Cu/XLPE/PVC 0,6/1kV – (3×16+1×10) mm ²			m	1.200		
4	Cáp điện Cu/XLPE/PVC 0,6/1kV – (3×10) mm ²			m	180		
5	Cáp điện Cu/XLPE/PVC 0,6/1kV - 4×2.5mm ²			m	180		
6	Cáp điều khiển DVV, 10×1.0, 0.6/1kV			m	450		
7	Cáp điều khiển DVV, 6×1.0, 0.6/1kV			m	450		

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật/yêu cầu (tương đương hoặc cao hơn)	Nguồn gốc và Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước thuế (đ)	Thành tiền (đ)
8	Cáp điều khiển DVV/Sc, 3×1.0, 0.6/1kV			m	450		
9	Tủ điều khiển tại chỗ bộ làm mát xỉ đáy lò	Trọn bộ bao gồm MCCB, contactor, biến tần, relay, đèn báo, nút ấn để điều khiển bộ làm mát tro đáy		Tủ	12		
10	Tủ điều khiển tại chỗ bơm tăng áp nước ngưng	Trọn bộ bao gồm MCCB, khởi động mềm, relay, đèn báo, nút ấn để điều khiển bơm tăng áp nước ngưng		Tủ	06		
11	Ống thép mạ kẽm Φ50 luôn cáp điện			m	300		
12	Đầu cốt đồng phù hợp dây 2.5mm ²			cái	96		
13	Đầu cốt đồng phù hợp dây 10mm ²			cái	96		
14	Đầu cốt đồng phù hợp dây 16mm ²			cái	72		
III	Tháo dỡ và lắp đặt thiết bị						
1	Tháo dỡ bộ làm mát xỉ đáy lò cũ						
2	Lắp đặt bộ làm mát xỉ mới						
3	Chi phí dịch vụ lắp đặt các vật tư thiết bị khác.						
	Tổng chi phí thiết bị (trước thuế)						

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật/yêu cầu (trương đương hoặc cao hơn)	Nguồn gốc và Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trước thuế (đ)	Thành tiền (đ)
	Thuế GTGT						
	Tổng chi phí thiết bị (sau thuế)						

Ghi chú:

- Chất lượng hàng hoá: Mới 100%, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Thời gian giao hàng:...ngày, kể từ khi ký hợp đồng.
- Thời gian bảo hành:....tháng.
- Thời gian lắp đặt:.... ngày.
- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Địa điểm lắp đặt: Công ty nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.
- Báo giá đã bao gồm phí vận chuyển và thuế VAT 10%

....., ngày.....tháng 9 năm 2025

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)